

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 11 - 2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi  
con chung giữa anh Trần Văn  
Th và chị Nguyễn Thị T”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Diên

2. Ông Đặng Ngọc Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn Th**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; ĐKTT: Thôn P, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

*(Tại phiên tòa có mặt anh Th, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trần Văn Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn do hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình ngày 16/9/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm không có được tiếng nói chung trong cuộc sống từ năm 2009 chị T đã đưa con về quê ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống cho đến nay thời gian đầu khi chị T mới về anh có vào Thanh Hóa tìm và điện thoại để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T

không quay về. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, anh xin được ly hôn chị T; anh đã thông tin cho chị T về việc anh làm thủ tục ly hôn. Chị T nhất trí và đã làm đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt.

Anh Th khai vợ chồng có một con chung là Trần Thị Trà M sinh ngày 31/3/2006, con chung đang ở với chị T. Anh được biết chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, vì vậy anh nhường quyền nuôi con cho chị T, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn Th khai vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T: Chị T có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt. Trong đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 06/10/2020 chị T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Th đã khai. Chị cho rằng do không hòa hợp trong quan điểm sống dẫn đến chồng mâu thuẫn, chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Th; vợ chồng có một con chung như anh Th đã trình bày, chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con; vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do chị ở xa, chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Thị Trà M đề ngày 06/10/2020, cháu xin được tiếp tục ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Th cư trú tại huyện P, tỉnh Thái Bình khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Thanh Hóa, chị T có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ án, do đó Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình

cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2004 ngày 16/9/2004 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, anh chị đều khai do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và thực tế anh chị đã tự giải tán mối quan hệ hôn nhân của mình từ năm 2009, anh Th sinh sống tại quê huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình còn chị T về quê bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống, nhiều năm nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Th làm đơn xin ly hôn, chị T nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh Th và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Đây là thực tế của cuộc hôn nhân đã tan vỡ, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th, xử cho anh Th được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có một con chung, hiện đang ở với chị T. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của chị T và việc anh Th đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với thực tế từ khi anh chị không chung sống, chị T đưa con đi và trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ đó đến nay và nguyện vọng của con chung xin được ở với mẹ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về chia tài sản: Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Trà M, sinh ngày 31/3/2006 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Trần Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về chia tài sản: Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004533 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Liên**